

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

Nhiễm gan cấp, viêm gan mạn, tiền sử gia đình hay cá nhân bị viêm gan nặng, đặc biệt là do thuốc; quá mẫn với magnesium valproat, loạn chuyển hóa với porphyrin.

THẬN TRỌNG:

Cảnh giác

- **Loạn chức năng gan:** Điều kiện xảy ra: Đã có những báo cáo hiếm hoi về **viêm thương gan trầm trọng, đôi khi gây tử vong.** Trong hầu hết các trường hợp, các tổn thương gan như thế xảy ra trong vòng 6 tháng đầu điều trị.

- **Đầu gối sưng đau:** Chẩn đoán sớm dựa chủ yếu vào các triệu chứng trên lâm sàng. Các tình trạng sau có thể xuất hiện trước khi sưng da cần được quan tâm, đặc biệt là những bệnh nhân có nguy cơ: Các triệu chứng không đặc hiệu, thường xảy ra đột ngột như suy nhược, chán ăn, ngủ li bì, buồn ngủ, đôi khi kèm với ói mửa và đau bụng; tái xuất hiện những cơn động kinh.

Bệnh nhân nên thông báo cho bác sĩ điều trị bất cứ dấu hiệu nào như thế ngay khi xảy ra. Các Kiểm tra bao gồm khám lâm sàng và định giá sinh học chức năng gan nên được thực hiện ngay lập tức.

- **Phải hiện:** Việc theo dõi chức năng gan nên thực hiện định kỳ trong suốt 6 tháng đầu điều trị. Giữa các xét nghiệm thông thường, xét nghiệm phân tích sự tổng hợp protein đặc biệt là tỉ lệ prothrombin là có giá trị nhất. Khi tỉ lệ prothrombin hạ thấp bất thường, đặc biệt có kèm với những bất thường sinh học khác (giảm đáng kể fucosugosin và các yếu tố đông máu, tăng nồng độ bilirubin và các men transaminase) thì phải ngưng điều trị magnesium valproat.

Thận trọng:

- Nên thực hiện kiểm tra chức năng gan trước khi điều trị và định kỳ trong 6 tháng đầu điều trị đặc biệt là những bệnh nhân có nguy cơ cao.

- Cũng giống như đa số các thuốc chống động kinh khác, thuốc là tác nhân đầu điều trị, tăng tạm thời và riêng rẽ các men gan mà không biểu hiện lâm sàng.

- Xét nghiệm máu (công thức máu bao gồm đếm tiểu cầu, thời gian chảy máu và xét nghiệm đông máu) cần được thực hiện trước khi khởi đầu điều trị hay trước phẫu thuật và trong trường hợp chảy máu hay có vết bầm tím phát.

- Trên những bệnh nhân bị suy thận, có sự gia tăng nồng độ acid valproic tự do trong huyết thanh nên có thể cần phải giảm liều.

- Đa số báo cáo những trường hợp hiếm hoi bị viêm tụy, vì vậy những bệnh nhân bị đau bụng cấp nên được định lượng amylase huyết thanh trước khi nghĩ đến phẫu thuật.

Cảnh báo và thận trọng đặc biệt khi sử dụng:

Đã giải trí về thành niên nữ phụ nữ trong độ tuổi sinh sản/ phụ nữ có thai

Magnesium không nên dùng ở bé gái, trẻ vị thành niên nữ, phụ nữ trong độ tuổi sinh sản và phụ nữ có thai trừ khi các biện pháp khác không có hiệu quả hoặc bệnh nhân không dùng nạp được, do valproat có khả năng cao gây quái thai và tăng tăng nguy cơ rối loạn phát triển ở trên trẻ tăng bị phơi nhiễm valproat trong thời gian người mẹ mang thai. Bác sĩ nên đánh giá cẩn thận hiệu quả và nguy cơ của thuốc trong mỗi lần thăm khám định kỳ cho bệnh nhân, khi bệnh nhân rời đến tuổi dậy thì và ngay lập tức khi phụ nữ trong độ tuổi sinh sản đang được điều trị bằng Magnesium có kế hoạch mang thai hoặc vừa có thai.

Phụ nữ trong độ tuổi sinh sản, bắt buộc phải sử dụng các biện pháp tránh thai có hiệu quả trong suốt thời gian điều trị. Bác sĩ cần thông báo cho bệnh nhân các nguy cơ liên quan tới việc sử dụng Magnesium trong thai kỳ (Xem mục *Sử dụng cho phụ nữ có thai và cho con bú*)

Bác sĩ kê đơn cần đảm bảo rằng bệnh nhân được cung cấp đầy đủ thông tin về nguy cơ khi sử dụng thuốc này. Thông tin này có thể được chuyển đến bệnh nhân dưới dạng tài liệu bổ túc dành cho bệnh nhân giúp bệnh nhân đó hiểu rõ hơn về nguy cơ.

Đặc biệt bác sỹ kê đơn phải đảm bảo bệnh nhân hiểu được:

- Đặc tính và tầm quan trọng của nguy cơ phơi nhiễm với thuốc trong thai kỳ, đặc biệt là nguy cơ gây quái thai và nguy cơ rối loạn phát triển của thai.
- Sự cần thiết của việc sử dụng các biện pháp tránh thai có hiệu quả.
- Sự cần thiết của việc thăm khám định kỳ.
- Sự cần thiết của việc xin ý kiến bác sĩ ngay khi bệnh nhân nữ nghĩ ngờ có thai hoặc có khả năng có thai.

Bệnh nhân nữ có kế hoạch mang thai cần có gắng chuyển sang các biện pháp điều trị khác thay thế trước khi thụ thai nếu có thể (Xem mục *Sử dụng cho phụ nữ có thai và cho con bú*)

Chỉ nên tiếp tục điều trị bằng valproat sau khi cân bằng nguy cơ – lợi ích của thuốc được đánh giá bởi một bác sĩ có kinh nghiệm trong điều trị bệnh động kinh.

Sử dụng cho phụ nữ có thai và cho con bú:

Không sử dụng Magnesium ở bé gái, trẻ vị thành niên nữ, phụ nữ trong độ tuổi sinh sản và ở phụ nữ có thai trừ khi các biện pháp điều trị khác không có hiệu quả hoặc bệnh nhân không dùng nạp. Phụ nữ trong độ tuổi sinh sản cần phải sử dụng các biện pháp tránh thai có hiệu quả trong suốt quá trình

cao tiền trẻ có mẹ đang điều trị bằng valproat (xem mục *Tác dụng không mong muốn*)

Quyết định ngưng cho trẻ bú sữa mẹ hay ngưng điều trị bằng Magnesium cần được cân nhắc dựa trên lợi ích của việc bú sữa mẹ của trẻ và lợi ích của việc điều trị cho người mẹ.

Khả năng sinh sản

Mất kinh nguyệt, rụng trứng da nang và tăng nồng độ testosterone trong máu ở phụ nữ sử dụng valproat đã được báo cáo (xem mục *Tác dụng không mong muốn*). Sử dụng valproat có thể dẫn tới suy giảm khả năng sinh sản ở nam giới (xem mục *Tác dụng không mong muốn*). Tình trạng rối loạn chức năng sinh sản này có thể hồi phục sau khi ngưng điều trị bằng valproat.

Tác dụng của thuốc khi lái xe và vận hành máy móc: Không dùng trong khi lái xe và vận hành máy móc.

Tương tác thuốc:

- Dùng đồng thời rượu hay các thuốc làm suy nhược hệ thần kinh trung ương, các chất ức chế monoamine oxidase (MAO) với valproat có thể làm tăng tác động suy nhược hệ thần kinh trung ương.

- Tác động hạ prothrombin huyết do valproat có thể gây tăng tác động của các dẫn chất indandione hay coumarin và có thể gây tăng nguy cơ chảy máu trên bệnh nhân dùng heparin hay các thuốc làm tan huyết khối.

- Dùng đồng thời barbiturate hay primidone với valproat sẽ gây tăng cao hơn nồng độ barbiturate hay primidone trong huyết thanh, điều này sẽ làm tăng sự suy nhược hệ thần kinh trung ương và đặc tính trên thần kinh. Cần phải điều chỉnh liều của barbiturate hay primidone.

- Dùng đồng thời clozapin với valproat có thể gây ra tình trạng con vắng ý thức.

- Dùng đồng thời felbamate có thể làm tăng nồng độ valproat trong huyết tương lên tới 35% đến 50%. Cần phải giảm liều valproat khi khởi đầu điều trị với felbamate.

- Dùng đồng thời các thuốc độc hại gan với valproat có thể làm tăng nguy cơ độc hại gan. Nên theo dõi thân trọng những bệnh nhân dùng thuốc kéo dài hay có tiền sử bị bệnh gan.

Tác dụng không mong muốn:

- Là lần hay có giật: Với trường hợp có trạng thái cứng cơ nặng biệt hay đi kèm với sự xuất hiện trở lại các cơn động kinh trong khi điều trị với valproat, hiện tượng này sẽ giảm khi ngưng điều trị hay giảm liều. Những trường hợp này thường xảy ra khi điều trị phối hợp (thật là với phenobarbital) hoặc sau khi tăng đột ngột các liều valproat.

- Rối loạn tiêu hóa (buồn nôn, đau dạ dày) thường xảy ra trên một vài bệnh nhân khi bắt đầu điều trị, nhưng thông thường sẽ biến mất sau vài ngày mà không cần phải ngưng thuốc.

- Với tác dụng không mong muốn thông qua vớ hoặc liên quan đến liều thường được ghi nhận: rụng tóc, rụng rầy vớ biến dạng nhỏ.

- Đa số báo cáo về hiện tượng giảm nồng độ fibrinogen hay tăng thời gian chảy máu mà không biểu hiện trên lâm sàng.

- Tác dụng phụ trên huyết học: Thường xảy ra giảm lượng tiểu cầu, hiếm khi bị thiếu máu, giảm bạch cầu hay giảm toàn thể huyết cầu.

- Có vài trường hợp viêm tụy, đôi khi gây tử vong.

- Tăng amoniac-huyết tương bình và riêng rẽ mà không có sự thay đổi các xét nghiệm chức năng gan có thể xảy ra thường xuyên và không cần ngưng thuốc.

- Có thể tăng cân, vô kinh và kinh nguyệt không đều.

- Di dạng bẩm sinh và rối loạn phát triển trí tuệ (xem mục *Thận trọng*)

Rào cản phản ứng có hại nghiêm trọng

Báo cáo phản ứng có hại sau khi thuốc được cấp phép lưu hành rất quan trọng để tiếp tục giám sát cân bằng lợi ích/ nguy cơ của thuốc. Cán bộ y tế cần báo cáo tất cả phản ứng có hại về Trung tâm quốc gia hoặc trung tâm khu vực về Thông tin thuốc và Theo dõi phản ứng có hại của thuốc.

Sử dụng quá liều và cách xử trí:

Triệu chứng: Dấu hiệu lâm sàng của quá liều cấp ở ít thường bao gồm hôn mê, giảm trương lực cơ, giảm phản xạ, co đồng tử, suy chức năng hô hấp.

Xử trí: Rửa dạ dày có hiệu ích cho đến 10-12 giờ sau khi quá liều, gây lợi tiểu thẩm thấu, theo dõi tiền mạch và hô hấp.

Trong những trường hợp hiểm, thẩm tách hoặc truyền thay máu có thể được thực hiện.

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất

Bảo quản:

Bảo quản trong bao bì kín, tránh ánh sáng ở nhiệt độ dưới 30°C. Để xa tầm tay trẻ em.

Sản xuất tại:

MYUNG IN PHARM. CO., LTD.
361-12 Nebu-gil, Paltan-myeon, Hwangseong-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc

Ngày xem xét sửa đổi, cập nhật lại nội dung HDSĐ thuốc: 16/03/2017

Bs. Dược Sĩ. Đơn Hướng dẫn sử dụng chi tiết về sản phẩm

MAGEUM Tab

THÀNH PHẦN: Mỗi viên nén bao tan trong ruột chứa: Magnesi valproat 200mg. Tã dược: Corn starch, calci carboxymethylcellulose, natri croscarmellose, croscopolon, povidon K20, natri lauryl sulfat, magnesi stearat, hypromellose phthalat 200731, diacetylated monoglycerides, titan oxid, polyethylene glycol 4000.

DẠNG BAO CHẾ: Viên nén bao tan trong ruột.

CÁC ĐẶC TÍNH ĐƯỢC LỰC HỌC: Valproat không làm thay đổi đáp ứng neuron thần kinh đối với liệu pháp ion hóa được trong cấp học GABA (gamma amino butyric acid). Tất cả các neuron được phân lập từ một vùng riêng biệt, hạch dưới đáy thân kinh nhỏ vị thùy rốn, valproat cũng làm giảm sự ngưng thối của dòng Ca²⁺ có liên quan đến làm vắng. Tác động này tương tự như ethosuximide ở neuron vắng điện thùy rốn.

Một cơ chế khác liên quan đến sự chuyển hóa của GABA có thể góp phần vào tác động chống động kinh của valproat. Mặc dù valproat không tác động trực tiếp đến nồng độ GABA, nhưng làm tăng số lượng GABA, điều này có thể được phân bổ từ não sau khi được thuốc cho tác dụng. Trộn in vivo, valproat có thể kích thích hoạt động của enzyme tổng hợp GABA, enzyme glutamic acid decarboxylase, và cơ chế các enzyme thối hóa GABA, enzyme GABA transaminase và succinyl acetoacetyl dehydrogenase. Cho đến nay vẫn chưa có định mức liên quan giữa việc tăng nồng độ GABA với tác động chống động kinh của valproat.

CÁC ĐẶC TÍNH ĐƯỢC ĐỘNG HỌC: Valproat được hấp thu nhanh chóng và hoàn toàn sau khi uống. Nồng độ đỉnh trong huyết tương đạt từ 1 đến 4 giờ, mặc dù có thể bị chậm lại và giá trị cao nhất được dùng dưới dạng viên bao tan trong ruột hay uống cùng với thức ăn.

Thời gian phân phối của valproat khoảng 0,2 lít/kg. Khả năng gắn kết với protein huyết tương thường khoảng 90%. Bán rã sinh học của valproat chủ yếu ở gan. Tốc độ chuyển hóa sẽ nhanh hơn ở trẻ em và tăng theo độ tuổi tăng dần của thuốc. Các sản phẩm của phenytoin, phenobarbital, primidone và carbamazepine. Thời kỳ không phân phối được đặc biệt quan trọng của sự thay đổi phân bố không đồng. Khi dùng ở liều điều trị, hầu hết thuốc được chuyển đổi thành một liên hợp với acid glucosonic, phần còn lại được chuyển hóa bởi ty lap thể (ra glucic acid và acetyl acid). Val khác chuyển hóa, đáng chú ý là acid 2-propyl-2-pentanoic và acid 2-propyl-4-pentanoic, chúng gắn kết với các động chống động kinh giống chất mẹ, tuy nhiên chỉ có acid 2-propyl-2-pentanoic tích lũy trong huyết tương và nên một lượng đáng kể. Thời gian bán rã của valproat khoảng 15 giờ thông lệ giảm dần thông qua biến đổi của thuốc chống động kinh khác.

QUY CÁCH DÙNG DƯỢC: Uống 100 viên nén bao tan trong ruột (10 x 10 viên).

CHỈ ĐỊNH: Động kinh toàn thể hay từng phần, đặc biệt các dạng động kinh sau. Các dạng khác như động kinh cơn lớn, động kinh từng cơn, động kinh bán cầu.

LIỀU DÙNG VÀ CÁCH DÙNG: Thường dùng: đường uống. Nên xác định liều dùng hàng ngày theo tuổi và thể trọng. Liều sử dụng được xác định dựa theo đáp ứng của bệnh nhân theo từng lần tăng. Nạp định liều để acid valproic trong huyết tương giúp phân phối đến não tăng sáng khi không kiểm soát được cơn động kinh hay nghiêm trọng hơn. Nồng độ bão hòa trong huyết thanh được ghi nhận thông thường trong khoảng 40-100mg/l.

Điều trị khởi đầu: Phải nhận không dùng các thuốc chống động kinh khác. Tất nhiên nên tăng liều dần dần mỗi 2-3 ngày để đạt được liều từ 10 đến 15 mg/kg. Điều chỉnh liều dùng các thuốc chống động kinh khác. Sự thay đổi thuốc với magnesi valproat nên được tiến hành từ từ, liều sử dụng đạt được trong vòng 2 tuần và thuốc sẽ được giảm dần trước khi ngừng hẳn.

Liều dùng: Người lớn: Liều khởi đầu hàng ngày thông thường là 10-15mg/kg, và tăng dần dần theo nhu cầu. Nên dùng liều từ 10 năm trong khoảng 20-30mg/kg. Tuy nhiên, mức không kiểm soát được cơn động kinh với liều này, có thể tăng liều thêm cho thích hợp, nếu thời điểm bệnh nhân cần phải khi uống liều >30mg/kg.

Đặc biệt về vị thành niên nữ và phụ nữ trong độ tuổi sinh sản và phụ nữ có thai: Magnesi cần được khởi đầu điều trị và giảm sự phát chế cơn hóc ở có kinh nghiệm trong điều trị động kinh. Chỉ nên sử dụng thuốc này khi các biện pháp điều trị khác không có hiệu quả hoặc bệnh nhân không dùng được (xem mục Thận trọng). Cần bằng lời khuyên - ngay cả nếu thuốc sẽ được dùng giá rẻ nhất trong một lần thêm thêm định kỳ cho bệnh nhân. Từ nhỏ, nên kê đơn Magnesi dưới dạng đơn trị liều và ở liều điều trị thấp nhất có hiệu quả. Nếu có thể, nên sử dụng dạng gói phòng ngừa dao dãi để tránh nồng độ đỉnh trong huyết tương cao. Liều hàng ngày nên được chia thành ít nhất thành 2 bữa ăn.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH: Viêm gan cấp, viêm gan mạn, tiểu sử gia đình hay cá nhân bị viêm gan nặng, đặc biệt là do thuốc; quá mẫn với magnesi valproat, loạn chuyển hóa sơ phát.

THẬN TRỌNG: Cảnh giác: Liều cao hơn mức. Điều kiện xảy ra (Đ) có những báo cáo liên tục về

điều trị. Ở phụ nữ có kế hoạch mang thai, cần có gắng chuyển sang các biện pháp điều trị khác thay thế trước khi thụ thai, nếu có thể. Nguy cơ liên quan tới việc phơi nhiễm với valproat trong thai kỳ: Việc sử dụng valproat dưới dạng đơn trị liều hoặc đa trị liều đều có liên quan tới một số bất thường trong thai kỳ. Các dữ liệu hiện có cho thấy nguy cơ dị dạng bẩm sinh khi sử dụng thuốc đã đa trị liều trong đó có thuốc chứa valproat lớn hơn so với đơn trị liều bằng valproat.

Đặc biệt lưu ý: Các dữ liệu hiện có từ một nghiên cứu gặp nhau giữa từ nguồn dữ liệu hồ sơ bệnh án và từ các nghiên cứu thuần tập đã chỉ ra rằng 10,71% số trẻ có mẹ mắc Nồng độ đỉnh kinh sử dụng valproat đơn trị liều trong thai kỳ bị dị dạng bẩm sinh (Ghông tin cậy 95%: 8,16-13,29). Nguy cơ bị dị tật nặng hơn so với quần thể bình thường (với tỷ lệ dị tật chỉ chiếm từ 2-3%). Nguy cơ này phụ thuộc liều nhưng liều dưới ngưỡng vẫn chưa chứng minh được là không gây hại. Các dữ liệu hiện có cho thấy có sự tăng tỷ lệ dị tật thai nhi cả nhẹ và nặng. Loại dị dạng thường gặp nhất là dị tật ống thần kinh, biến dạng mắt, bờ hàm lệch, hẹp hộp sọ, dị tật tim mạch, thận và niệu sinh dục, dị tật ở chi (thao gôn bại sản xuống quay bàn chân) và dị dạng đầu nhũ bì có gan khác trên cơ thể.

Rủi ro phụ phát triển: Dữ liệu hiện có cho thấy việc phơi nhiễm với valproat có thể dẫn tới tác động bất lợi lên sự phát triển tâm thần và thể chất của trẻ bị phơi nhiễm. Nguy cơ này phụ thuộc liều nhưng liều dưới ngưỡng vẫn không loại trừ được nguy cơ. Khoảng thời gian chính xác trong thai kỳ bị ảnh hưởng bởi nguy cơ này vẫn còn chưa được xác định chính xác và khả năng nguy cơ xảy ra trong suốt thời kỳ không thể loại trừ.

Các nghiên cứu trên trẻ ở độ tuổi mẫu giáo cũng bị phơi nhiễm valproat trong tử cung người mẹ khi mang thai đã chỉ ra rằng 30-40% số trẻ bị chậm phát triển trong thời kỳ đầu như chậm nói và chậm hành vi, khả năng nhận thức chậm, khả năng ngôn ngữ (đọc và hiểu) nghiêm trọng và có vấn đề về trí nhớ.

Chi số thông minh IQ được đo trên độ trung trị em ở độ tuổi đi học (từ tuổi 6) tăng bị phơi nhiễm valproat khi người mẹ mang thai thấp hơn trung bình 7-10 điểm so với nhóm trẻ cũng bị phơi nhiễm với các thuốc chống động kinh khác. Mặc dù không thể loại trừ được vai trò của các yếu tố gây nhiễu, nhưng dữ liệu trên hiện có đã chỉ ra rằng nguy cơ giảm sút về mặt trí tuệ ở trẻ có thể đáng kể với IQ của người mẹ. Dữ liệu về vấn đề này vẫn chưa được phân tích chi tiết. Các dữ liệu hiện có chỉ ra rằng trẻ phơi nhiễm valproat trong tử cung người mẹ khi mang thai có nguy cơ giảm về kỹ năng (khoảng 3 lần và tỷ lệ) nhiều hơn nhiều trong khoảng 5 năm so với nhóm trẻ cũng dùng thuốc. Dữ liệu cho thấy trẻ em phơi nhiễm valproat trong tử cung người mẹ khi mang thai có nhiều khả năng mắc các triệu chứng của chứng rối loạn tăng động giảm tập trung (ADHD) hơn bạn bè.

Đặc biệt về vị thành niên nữ và phụ nữ trong độ tuổi sinh sản (xem phần trên và mục Cảnh báo và thận trọng đặc biệt khi sử dụng).

Nếu phụ nữ có kế hoạch mang thai: Trong thời kỳ mang thai, cần có giới hạn - giữ rằng và trạng thái động kinh kiểm soát được của người mẹ có thể dẫn tới nguy cơ tử vong cho cả mẹ và thai nhi.

Nếu phụ nữ có kế hoạch mang thai: Cần có sự chuyển sang các biện pháp điều trị khác thay thế trước khi thụ thai, nếu có thể. Việc điều trị bằng valproat không nên ngừng lại khi chưa được định giá trị lợi ích và nguy cơ bởi tác động của kinh nghiệm trong điều trị bệnh động kinh. Trong trường hợp cần bằng kết luận - ngay cả nếu việc sử dụng valproat trong thai kỳ đã được đánh giá cẩn thận và việc điều trị bằng valproat có thể tiếp tục, cần lưu ý các khuyến cáo sau:

- Sử dụng liều thấp nhất có hiệu quả và chia liều hàng ngày của valproat thành số liều nhỏ hơn và uống nhiều lần trong ngày. Ưu tiên sử dụng dạng bào chế gói phòng ngừa dao dãi hơn so với các dạng bào chế khác nhằm mục đích nhằm ngăn ngừa dao dãi của nồng độ huyết tương.
- Việc bổ sung folat trước khi mang thai có thể làm giảm nguy cơ dị tật ống thần kinh thường xảy ra trong thai kỳ. Tuy nhiên, các dữ liệu hiện có không cho thấy việc này có thể ngăn ngừa dị tật hoặc dị dạng bẩm sinh khi phơi nhiễm với valproat.
- Cần bắt đầu giảm sử dụng sinh đẻ phát hiện sự xuất hiện dị tật ống thần kinh hoặc các dị dạng khác.

Ngay cả đối với phụ nữ sinh: Các trường hợp báo cáo về hội chứng xuất huyết có liên quan tới sự sinh có mẹ đã tăng sử dụng valproat trong thai kỳ. Hội chứng xuất huyết này liên quan tới sự thiếu hụt các yếu tố fibrinogen trong máu và hoặc liên quan tới việc giảm các yếu tố đông máu khác. Tình trạng máu không có fibrinogen cũng đã được báo cáo và có thể gây nguy hiểm tính mạng. Tuy nhiên, triệu chứng này có thể phát triển bất cứ lúc nào sau khi sinh ra, ngay cả khi phơi nhiễm với valproat trước khi sinh.

- Các trường hợp báo cáo về hội chứng xuất huyết đã được báo cáo trên trẻ sơ sinh có mẹ tăng sử dụng valproat trong tử cung cũng đã được báo cáo trên trẻ sơ sinh có mẹ tăng sử dụng valproat khi mang thai.
- Hội chứng xuất huyết như kích động, vật vã, kích thích quá mức, lo âu, tăng động, rối loạn ngưng trệ cơn, nôn ói, co giật và rối loạn dự trữ có thể xảy ra trên trẻ sơ sinh có mẹ tăng sử dụng valproat trong tử cung cũng đã được báo cáo.

Đặc biệt chú ý: Quyết định ngừng cho trẻ bú sữa mẹ hay ngừng điều trị bằng Magnesi cần được cân nhắc dựa trên lợi ích của việc bú sữa mẹ của trẻ và lợi ích của việc điều trị cho người mẹ.

Đặc biệt lưu ý: Mất kinh nguyệt, thường trong đa năng và tăng nồng độ testosterone trong máu ở phụ nữ sử dụng valproat đã được báo cáo (xem mục Tác dụng không mong muốn). Sử dụng valproat có thể dẫn tới sự giảm khả năng sinh sản ở